

**BIÊN BẢN**

**Xét và đề nghị công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở**  
**Năm học 2023 - 2024**

**1/ Thời gian:** Từ 14h00', ngày 06 đến ngày 07 tháng 5 năm 2024

**2/ Đại điểm:** Tại phòng hội trường trường THCS Sông Khoai

**3/ Thành phần:**

**3.1/ Có mặt:** 11 ông (bà) theo Quyết định số 2160/QĐ-UBND ngày 23/04/2024 của UBND thị xã Quảng Yên;

- Chủ tịch hội đồng: Bà Đỗ Thị Mơ - Hiệu trưởng trường THCS Sông Khoai.

- Phó Chủ tịch: Ông Phạm Việt Thanh - Phó hiệu trưởng trường THCS Sông Khoai.

- Thư ký: Bà Dương Thị Hiền - Giáo viên, Thư ký HĐGD trường THCS Sông Khoai.

**3.2/ Vắng mặt:**

- Tổng số vắng mặt: 0 (không)

**4/ Công việc đã thực hiện:**

**a/ Kiểm tra danh sách và hồ sơ của người học đăng kí dự xét công nhận tốt nghiệp THCS:**

- Tổng số người học đăng kí xin dự xét công nhận tốt nghiệp: 106

Trong đó:

+ Giới tính: 63 nam; 43 nữ;

+ Người học là dân tộc thiểu số: 01

+ Số người đang học tại cơ sở giáo dục: 106

+ Số người đã học hết chương trình THCS nhưng chưa tốt nghiệp từ những kì thi hoặc lần xét trước: 0

+ Số người học là đối tượng được hưởng ưu tiên: 0

+ Số người học là đối tượng được hưởng khuyến khích: 0

- Tổng số người học có đủ hồ sơ theo quy định: 106 h/s

Trong đó:

+ Tổng số người học đang học tại cơ sở giáo dục: 106

+ Số người học đã học hết chương trình THCS nhưng chưa tốt nghiệp từ những kì thi hoặc lần xét trước: 0

+ Số người học là đối tượng được hưởng ưu tiên: 0

+ Số người học là đối tượng được hưởng khuyến khích: 0.

**b/ Thực hiện xét, công nhận tốt nghiệp:**

Căn cứ vào điều kiện và tiêu chuẩn công nhận tốt nghiệp quy định tại điều 7 của "Quy chế xét công nhận tốt nghiệp THCS", Hội đồng đã tiến hành xem xét từng trường hợp đề công nhận tốt nghiệp đối với người học đăng kí dự xét công nhận tốt nghiệp. Kết quả như sau:

- Tổng số người học được công nhận tốt nghiệp THCS: 105

Trong đó:

- + Giới tính: Nam: 62; Nữ: 43;
- + Tổng số người học đang học tại cơ sở giáo dục: 105
- + Số người đã học hết chương trình THCS nhưng chưa tốt nghiệp từ những kì thi hoặc lần xét trước: 0 (không)
- + Số người học là đối tượng được hưởng ưu tiên: 0 (không)
- + Số người học là đối tượng được hưởng khuyến khích: 0 (không)
- + Xếp loại tốt nghiệp: Giỏi:12; Khá:44; Trung bình: 49
- Tổng số người học không được công nhận tốt nghiệp: 01 (không).

**5/ Lập danh sách người học đủ điều kiện, tiêu chuẩn công nhận tốt nghiệp THCS:**

Danh sách người học được công nhận tốt nghiệp lập thành 02 bản:

- Danh sách người học đề nghị xét công nhận tốt nghiệp THCS (mẫu 1a)
- Danh sách học sinh đề nghị được công nhận tốt nghiệp THCS năm học

2023-2024.

Biên bản này được toàn thể thành viên của Hội đồng nhất trí thông qua.  
Buổi xét tốt nghiệp kết thúc vào hồi 16h00' ngày 07/05/2024 ./.

Sông Khoai, ngày 07 tháng 05 năm 2024

**CHỦ TỊCH**



**HỌ, TÊN VÀ CHỮ KÍ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

**Ông Phạm Việt Thanh**

**Bà Dương Thị Hiền**

**Bà Mai Thị Hoàn**

**Bà Vũ Thị Vân**

**Bà Hoàng Thị Hạnh**

**Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương**

**Bà Vũ Thị Liên**

**Bà Trương Thị Hương**

**Bà Nguyễn Thị Hải Huyền**

**Bà Hoàng Thị Ngọc Liễu**

Sông Khoai, ngày 06 tháng 05 năm 2024

**BIÊN BẢN XÉT HẠNH KIỂM VÀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC LỚP 9**  
**Năm học 2023 - 2024**  
**Trường THCS Sông Khoai.**

**I/. THỜI GIAN:** Hồi 9h00 phút ngày 06 tháng 05 năm 2024.

**II/. THÀNH PHẦN:**

- Đ/c: Đỗ Thị Mơ - Hiệu trưởng - Chủ tọa;
- Đ/c: Phạm Việt Thanh - Phó Hiệu trưởng;
- Đ/c: Dương Thị Hiền - Thư kí Hội đồng;
- Đ/c: Hoàng Hải Yến - Tổng phụ trách đội;
- Đ/c: Nguyễn Thị Quỳnh Hương - GVCN lớp 9A;.
- Đ/c: Vũ Thị Liên - GVCN lớp 9B;
- Đ/c: Trương Thị Hương - GVCN lớp 9C;

**III/. NỘI DUNG CUỘC HỌP:**

Xét, xếp loại hạnh kiểm học sinh học kỳ II và cả năm học 2023 - 2024 cho từng học sinh của 3 lớp 9 của nhà trường;

**IV/. QUI TRÌNH:**

- Từng GVCN báo cáo thông qua Bảng dự kiến xếp loại Hạnh kiểm của HS/lớp
    - Kết quả bình bầu hạnh kiểm của học sinh trong lớp, tổ.
    - Dự kiến xếp loại hạnh kiểm kỳ II, cả năm của từng học sinh của GVCN (có ý kiến tham gia của GVBM; quan tâm ý kiến của GV môn GDCCD).
    - Báo cáo tổng hợp kết quả xếp loại học lực kỳ II và cả năm của HS/lớp;
  - Nhà trường duyệt trực tiếp từng HS, tham gia bổ sung thêm ý kiến (nếu có), xem xét và thống nhất xếp loại (Công nhận kết quả hạnh kiểm của HS/lớp)
- \* Kết quả trên, GVCN lớp vào Sổ điểm lớp; Học bạ của HS – Trên Smas.

**VI. KẾT QUẢ:** (Bảng kết quả cụ thể).

**A. Xếp loại hai mặt giáo dục học kỳ 2:**

| Lớp    | Tổng số HS (*) | Học Lực |      |     |      |    |      |     |     |     |     | Hạnh Kiểm |      |     |      |    |     |     |     |
|--------|----------------|---------|------|-----|------|----|------|-----|-----|-----|-----|-----------|------|-----|------|----|-----|-----|-----|
|        |                | Giỏi    |      | Khá |      | TB |      | Yếu |     | Kém |     | Tốt       |      | Khá |      | TB |     | Yếu |     |
|        |                | SL      | %    | SL  | %    | SL | %    | SL  | %   | SL  | %   | SL        | %    | SL  | %    | SL | %   | SL  | %   |
| 9A     | 35             | 4       | 11.4 | 20  | 57.1 | 11 | 31.4 | 0   | 0.0 | 0   | 0.0 | 24        | 68.6 | 10  | 28.6 | 0  | 0.0 | 1   | 2.9 |
| 9B     | 36             | 4       | 11.1 | 14  | 38.9 | 18 | 50.0 | 0   | 0.0 | 0   | 0.0 | 18        | 50.0 | 17  | 47.2 | 1  | 2.8 | 0   | 0.0 |
| 9C     | 35             | 4       | 11.4 | 12  | 34.3 | 19 | 54.3 |     | 0.0 |     | 0.0 | 16        | 45.7 | 18  | 51.4 | 1  | 2.9 | 0   | 0.0 |
| Khối 9 | 106            | 12      | 11.3 | 46  | 43.4 | 48 | 45.3 | 0   | 0.0 | 0   | 0.0 | 58        | 54.7 | 45  | 42.5 | 2  | 1.9 | 1   | 0.9 |

## B. Xếp loại hai mặt giáo dục cả năm:

| Lớp    | Tổng số HS (*) | Học Lực |      |     |      |    |      |     |     |     |     | Hành Kiểm |      |     |      |    |     |     |     |
|--------|----------------|---------|------|-----|------|----|------|-----|-----|-----|-----|-----------|------|-----|------|----|-----|-----|-----|
|        |                | Giỏi    |      | Khá |      | TB |      | Yếu |     | Kém |     | Tốt       |      | Khá |      | TB |     | Yếu |     |
|        |                | SL      | %    | SL  | %    | SL | %    | SL  | %   | SL  | %   | SL        | %    | SL  | %    | SL | %   | SL  | %   |
| 9A     | 35             | 4       | 11.4 | 19  | 54.3 | 12 | 34.3 | 0   | 0.0 | 0   | 0.0 | 23        | 65.7 | 11  | 31.4 | 0  | 0.0 | 1   | 2.9 |
| 9B     | 36             | 4       | 11.1 | 13  | 36.1 | 19 | 52.8 | 0   | 0.0 | 0   | 0.0 | 20        | 55.6 | 16  | 44.4 | 0  | 0.0 | 0   | 0.0 |
| 9C     | 35             | 4       | 11.4 | 12  | 34.3 | 19 | 54.3 | 0   | 0.0 | 0   | 0.0 | 16        | 45.7 | 18  | 51.4 | 1  | 2.9 | 0   | 0.0 |
| Khối 9 | 106            | 12      | 11.3 | 44  | 41.5 | 50 | 47.2 | 0   | 0.0 | 0   | 0.0 | 59        | 55.7 | 45  | 42.5 | 1  | 0.9 | 1   | 0.9 |

**\*Ghi chú:** Hồ sơ xét duyệt kèm theo: *Bảng dự kiến xếp loại hạnh kiểm HS/lớp;*

*Bảng kết quả học lực của HS/lớp;*

Cuộc họp kết thúc hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Mơ

THƯ KÝ

Dương Thị Hiền

THÀNH PHẦN THAM GIA XÉT DUYỆT

Phạm Việt Thanh

Hoàng Hải Yến

Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Vũ Thị Liên

Trương Thị Hương

PHÒNG GD&ĐT QUẢNG YÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT TỐT NGHIỆP THCS SÔNG KHOAI

Tờ số: 01  
DANH SÁCH NGƯỜI HỌC ĐỀ NGHỊ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THCS  
Năm học 2023 - 2024  
(Điện xét lần đầu)

| STT | Họ và tên           | Giới tính | Dân tộc | Ngày, tháng, năm sinh | Nơi sinh (huyện, tỉnh) | Tên trường (THCS, TH và THPT, TH, THCS và THPT) | Kết quả xét loại năm học lớp 9        |      |    |    |       |     |      |    |    |     |    |    |    |      |          |    |    | TS buổi nghỉ học cả năm lớp 9 | Ưu tiên, KK | Đ | H | Xếp loại TN |
|-----|---------------------|-----------|---------|-----------------------|------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|------|----|----|-------|-----|------|----|----|-----|----|----|----|------|----------|----|----|-------------------------------|-------------|---|---|-------------|
|     |                     |           |         |                       |                        |                                                 | Điểm TB (đánh giá) cả năm các môn học |      |    |    |       |     |      |    |    |     |    |    |    | TB m | Xếp loại |    |    |                               |             |   |   |             |
|     |                     |           |         |                       |                        |                                                 | Văn                                   | Toán | NN | Li | GD CD | Hóa | Sinh | Sử | CN | Địa | TD | ÂN | MT |      | TC       | CN | HK |                               |             |   |   |             |
| 1   | Nguyễn Thụy An      | Nữ        | Kinh    | 23/05/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                 | 83                                    | 72   | 80 | 68 | 88    | 81  | 78   | 81 | 88 | 82  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 80       | T  | G  | 1                             |             | Đ |   | Giỏi        |
| 2   | Bùi Mai Anh         | Nữ        | Kinh    | 27/10/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                 | 72                                    | 62   | 74 | 64 | 85    | 77  | 65   | 79 | 85 | 67  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 73       | T  | K  | 2                             |             | Đ |   | Khá         |
| 3   | Đinh Thị Vân Anh    | Nữ        | Kinh    | 13/06/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                 | 55                                    | 54   | 59 | 61 | 78    | 53  | 61   | 73 | 78 | 65  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 64       | K  | Tb | 3                             |             | Đ |   | Trung bình  |
| 4   | Nguyễn Đức Anh      | Nam       | Kinh    | 16/09/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                 | 65                                    | 61   | 77 | 62 | 80    | 71  | 70   | 82 | 83 | 65  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 72       | T  | K  | 2                             |             | Đ |   | Khá         |
| 5   | Nguyễn Phạm Thế Anh | Nam       | Kinh    | 26/12/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                 | 65                                    | 64   | 69 | 62 | 77    | 73  | 59   | 75 | 82 | 61  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 69       | T  | K  | 10                            |             | Đ |   | Khá         |
| 6   | Nguyễn Thế Anh      | Nam       | Kinh    | 15/01/2009            | Uông Bí, Quảng Ninh    | THCS Sông Khoai                                 | 67                                    | 54   | 65 | 61 | 76    | 70  | 61   | 71 | 81 | 65  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 67       | T  | K  | 9                             |             | Đ |   | Khá         |
| 7   | Phạm Ngọc Anh       | Nam       | Kinh    | 25/07/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                 | 60                                    | 61   | 70 | 60 | 77    | 64  | 62   | 71 | 80 | 61  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 67       | T  | K  | 1                             |             | Đ |   | Khá         |
| 8   | Vũ Thị Mai Anh      | Nữ        | Kinh    | 27/07/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                 | 71                                    | 65   | 74 | 69 | 81    | 70  | 86   | 77 | 87 | 80  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 76       | T  | K  | 0                             |             | Đ |   | Khá         |
| 9   | Nguyễn Thu Ngọc Anh | Nữ        | Kinh    | 03/03/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                 | 65                                    | 61   | 71 | 69 | 79    | 72  | 60   | 80 | 82 | 72  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 71       | T  | K  | 1                             |             | Đ |   | Khá         |
| 10  | Vũ Văn Bao          | Nam       | Kinh    | 15/04/2009            | Uông Bí, Quảng Ninh    | THCS Sông Khoai                                 | 50                                    | 51   | 57 | 59 | 67    | 60  | 57   | 66 | 76 | 55  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 60       | K  | Tb | 0                             |             | Đ |   | Trung bình  |
| 11  | Bùi Minh Bao        | Nam       | Kinh    | 19/12/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                 | 71                                    | 69   | 74 | 67 | 85    | 76  | 68   | 74 | 83 | 72  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 74       | T  | K  | 2                             |             | Đ |   | Khá         |
| 12  | Nguyễn Thị Kim Bính | Nữ        | Kinh    | 09/04/2009            | Hoàn Kiếm, Hà Nội      | THCS Sông Khoai                                 | 69                                    | 69   | 79 | 63 | 82    | 81  | 68   | 78 | 82 | 78  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 75       | T  | K  | 13                            |             | Đ |   | Khá         |
| 13  | Bùi Văn Chiến       | Nam       | Kinh    | 01/03/2009            | Uông Bí, Quảng Ninh    | THCS Sông Khoai                                 | 52                                    | 55   | 53 | 58 | 71    | 65  | 65   | 73 | 78 | 65  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 64       | K  | Tb | 0                             |             | Đ |   | Trung bình  |
| 14  | Nguyễn Văn Chính    | Nam       | Kinh    | 14/02/2009            | Uông Bí, Quảng Ninh    | THCS Sông Khoai                                 | 50                                    | 54   | 56 | 50 | 72    | 55  | 56   | 67 | 76 | 60  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 60       | K  | Tb | 12                            |             | Đ |   | Trung bình  |
| 15  | Vũ Thị Chung        | Nữ        | Kinh    | 26/09/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                 | 59                                    | 52   | 56 | 58 | 72    | 58  | 55   | 71 | 77 | 59  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 62       | K  | Tb | 1                             |             | Đ |   | Trung bình  |
| 16  | Vũ Thành Công       | Nam       | Kinh    | 26/08/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                 | 65                                    | 68   | 77 | 69 | 75    | 83  | 74   | 76 | 85 | 65  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 74       | T  | K  | 1                             |             | Đ |   | Khá         |
| 17  | Đinh Việt Cường     | Nam       | Kinh    | 09/10/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                 | 53                                    | 57   | 72 | 62 | 78    | 63  | 54   | 74 | 76 | 61  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 65       | T  | K  | 3                             |             | Đ |   | Khá         |
| 18  | Lưu Hải Đăng        | Nam       | Kinh    | 23/12/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                 | 50                                    | 55   | 64 | 57 | 68    | 61  | 57   | 72 | 75 | 60  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 62       | K  | Tb | 0                             |             | Đ |   | Trung bình  |
| 19  | Đỗ Tiên Đạt         | Nam       | Kinh    | 02/04/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                 | 63                                    | 59   | 68 | 61 | 75    | 62  | 55   | 74 | 80 | 59  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 66       | T  | K  | 1                             |             | Đ |   | Khá         |
| 20  | Nguyễn Tuấn Đạt     | Nam       | Kinh    | 18/09/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                 | 75                                    | 88   | 95 | 87 | 84    | 87  | 81   | 87 | 84 | 80  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 85       | T  | G  | 5                             |             | Đ |   | Giỏi        |
| 21  | Phạm Thanh Đạt      | Nam       | Kinh    | 27/10/2009            | Uông Bí, Quảng Ninh    | THCS Sông Khoai                                 | 65                                    | 69   | 72 | 60 | 74    | 61  | 68   | 77 | 84 | 65  | Đ  | Đ  | Đ  |      | 70       | T  | K  | 1                             |             | Đ |   | Khá         |

TRƯỜNG THCS SÔNG KHOAI

Bảng này có 21 HS đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS.

Kết quả:

1) Đỗ (Đ): 21 bảng chữ: Hai mươi một

Trong đó:

Loại Giỏi (G): 02 bảng chữ: Hai;

Loại Khá (K): 13 bảng chữ: Mười ba;

Loại Trung bình (TB): 06 bảng chữ: Sáu;

2) Hồng (H): 0 bảng chữ: Không

Người lập bảng

Mai Thị Hoàn



HỘI ĐỒNG XÉT TỐT NGHIỆP THCS

Bảng này có 21 HS đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS

Kết quả:

1) Đỗ (Đ): 21 bảng chữ: Hai mươi một

Trong đó:

Loại Giỏi (G): 02 bảng chữ: Hai;

Loại Khá (K): 13 bảng chữ: Mười ba;

Loại Trung bình (TB): 06 bảng chữ: Sáu;

2) Hồng (H): 0 bảng chữ: Không

Cán bộ kiểm tra

Phạm Việt Thanh



PHÒNG GD&ĐT QUẢNG YÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT TỐT NGHIỆP THCS SÔNG KHOAI

DANH SÁCH NGƯỜI HỌC ĐỀ NGHỊ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THCS  
Năm học 2023 - 2024  
(Điện xét lần đầu)

| STT | Họ và tên    | Giới tính | Dân tộc | Ngày, tháng, năm sinh | Nơi sinh (huyện, tỉnh) | Tên trường (THCS, TH và THCS, THPT, TH, THCS và THPT) | Kết quả xét loại năm học lớp 9        |      |     |     |       |     |      |     |     |     |     |    |    |    |      |          |    | TS buổi nghỉ học cả năm lớp 9 | Ưu tiên, KK | Đ | H | Xếp loại TN |            |  |  |  |  |
|-----|--------------|-----------|---------|-----------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------|------|-----|-----|-------|-----|------|-----|-----|-----|-----|----|----|----|------|----------|----|-------------------------------|-------------|---|---|-------------|------------|--|--|--|--|
|     |              |           |         |                       |                        |                                                       | Điểm TB (đánh giá) cả năm các môn học |      |     |     |       |     |      |     |     |     |     |    |    |    | TB m | Xếp loại |    |                               |             |   |   |             |            |  |  |  |  |
|     |              |           |         |                       |                        |                                                       | Văn                                   | Toán | NN  | Li  | GD CD | Hóa | Sinh | Sử  | CN  | Địa | TD  | ÂN | MT | TC |      | HK       | HL |                               |             |   |   |             |            |  |  |  |  |
|     |              |           |         |                       |                        |                                                       |                                       |      |     |     |       |     |      |     |     |     |     |    | CN |    |      |          |    |                               |             |   |   |             |            |  |  |  |  |
| 1   | Vũ Bá Thành  | Đạt       | Nam     | Kinh                  | 29/08/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                                   | THCS Sông Khoai                       | 5,5  | 7,7 | 5,6 | 6,2   | 7,5 | 7,0  | 6,5 | 7,4 | 8,2 | 6,4 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 6,8      | T  | K                             | 2           |   | Đ |             | Khá        |  |  |  |  |
| 2   | Vũ Minh      | Đạt       | Nam     | Kinh                  | 17/12/2009             | Vũ Thư, Thái Bình                                     | THCS Sông Khoai                       | 5,0  | 4,9 | 5,7 | 6,0   | 7,8 | 5,7  | 6,0 | 7,8 | 7,7 | 7,1 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 6,4      | K  | Tb                            | 3           |   | Đ |             | Trung bình |  |  |  |  |
| 3   | Vũ Minh      | Đạt       | Nam     | Kinh                  | 16/06/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                 | THCS Sông Khoai                       | 6,6  | 7,8 | 6,8 | 6,8   | 7,8 | 7,4  | 7,5 | 7,8 | 8,3 | 7,0 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 7,4      | T  | K                             | 3           |   | Đ |             | Khá        |  |  |  |  |
| 4   | Bai Thành    | Đạt       | Nam     | Kinh                  | 21/02/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                                   | THCS Sông Khoai                       | 7,2  | 7,3 | 6,6 | 7,5   | 7,6 | 8,5  | 7,1 | 8,1 | 8,5 | 7,2 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 7,6      | T  | K                             | 1           |   | Đ |             | Khá        |  |  |  |  |
| 5   | Vũ Trọng     | Đạt       | Nam     | Kinh                  | 22/01/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                 | THCS Sông Khoai                       | 5,5  | 6,3 | 5,9 | 5,7   | 7,2 | 6,2  | 6,0 | 7,1 | 7,5 | 6,3 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 6,4      | K  | Tb                            | 1           |   | Đ |             | Trung bình |  |  |  |  |
| 6   | Vũ Hà        | Đạt       | Nữ      | Kinh                  | 30/08/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                 | THCS Sông Khoai                       | 5,8  | 5,4 | 7,1 | 5,7   | 7,6 | 6,5  | 6,5 | 8,1 | 8,0 | 6,4 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 6,7      | T  | K                             | 0           |   | Đ |             | Khá        |  |  |  |  |
| 7   | Vũ Thu Anh   | Đạt       | Nữ      | Kinh                  | 15/06/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                 | THCS Sông Khoai                       | 8,0  | 8,2 | 8,8 | 7,5   | 8,5 | 8,8  | 8,8 | 8,3 | 8,2 | 8,3 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 8,3      | T  | G                             | 1           |   | Đ |             | Giỏi       |  |  |  |  |
| 8   | Nguyễn Đức   | Đạt       | Nam     | Kinh                  | 03/06/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                 | THCS Sông Khoai                       | 8,0  | 8,7 | 9,3 | 8,3   | 8,3 | 8,9  | 8,5 | 8,5 | 8,3 | 9,3 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 8,6      | T  | G                             | 2           |   | Đ |             | Giỏi       |  |  |  |  |
| 9   | Nguyễn Thị   | Đạt       | Nữ      | Kinh                  | 20/10/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                                   | THCS Sông Khoai                       | 6,6  | 5,3 | 7,1 | 5,6   | 8,3 | 7,2  | 7,1 | 8,0 | 7,5 | 7,4 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 7,0      | T  | K                             | 0           |   | Đ |             | Khá        |  |  |  |  |
| 10  | Vũ Thị Thanh | Đạt       | Nữ      | Kinh                  | 19/04/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                                   | THCS Sông Khoai                       | 7,1  | 7,5 | 6,6 | 6,2   | 8,2 | 7,7  | 8,0 | 8,0 | 8,0 | 6,6 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 7,4      | T  | K                             | 0           |   | Đ |             | Khá        |  |  |  |  |
| 11  | Nguyễn Minh  | Đạt       | Nam     | Kinh                  | 24/05/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                 | THCS Sông Khoai                       | 5,0  | 4,5 | 5,0 | 5,1   | 6,8 | 5,8  | 4,6 | 7,2 | 7,0 | 5,3 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 5,6      | K  | Tb                            | 4           |   | Đ |             | Trung bình |  |  |  |  |
| 12  | Bai Thị      | Đạt       | Nữ      | Kinh                  | 08/02/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                 | THCS Sông Khoai                       | 6,5  | 5,7 | 8,1 | 6,5   | 8,0 | 7,7  | 6,1 | 8,0 | 8,0 | 7,1 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 7,2      | T  | K                             | 1           | 3 | Đ |             | Khá        |  |  |  |  |
| 13  | Đinh Đoàn    | Đạt       | Nam     | Kinh                  | 20/12/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                 | THCS Sông Khoai                       | 5,9  | 5,8 | 7,1 | 6,8   | 8,1 | 7,6  | 5,9 | 7,8 | 8,0 | 7,3 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 7,0      | T  | K                             | 0           |   | Đ |             | Khá        |  |  |  |  |
| 14  | Nguyễn Công  | Đạt       | Nam     | Kinh                  | 12/03/2009             | Quảng Yên-Quảng Ninh                                  | THCS Sông Khoai                       | 6,3  | 6,5 | 7,1 | 6,2   | 7,1 | 7,3  | 7,5 | 7,3 | 8,3 | 6,6 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 7,0      | T  | K                             | 0           |   | Đ |             | Khá        |  |  |  |  |
| 15  | Nguyễn Đức   | Đạt       | Nam     | Kinh                  | 02/06/2009             | Quảng Yên-Quảng Ninh                                  | THCS Sông Khoai                       | 8,5  | 8,8 | 8,7 | 8,7   | 8,5 | 9,2  | 8,0 | 9,0 | 8,3 | 9,1 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 8,7      | T  | G                             | 0           |   | Đ |             | Giỏi       |  |  |  |  |
| 16  | Vũ Thị Hồng  | Đạt       | Nữ      | Kinh                  | 02/09/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                 | THCS Sông Khoai                       | 7,1  | 6,2 | 6,6 | 6,5   | 8,1 | 7,3  | 7,1 | 8,1 | 8,4 | 6,8 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 7,2      | T  | K                             | 8           |   | Đ |             | Khá        |  |  |  |  |
| 17  | Đinh Huy     | Đạt       | Nam     | Kinh                  | 03/08/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                                   | THCS Sông Khoai                       | 5,0  | 5,9 | 6,5 | 5,7   | 7,5 | 6,6  | 6,0 | 7,6 | 7,7 | 5,5 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 6,4      | K  | Tb                            | 3           |   | Đ |             | Trung bình |  |  |  |  |
| 18  | Hoàng Phi    | Đạt       | Nam     | Kinh                  | 06/01/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                 | THCS Sông Khoai                       | 4,0  | 5,0 | 5,0 | 5,0   | 6,7 | 5,5  | 5,0 | 6,3 | 7,1 | 5,6 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 5,5      | K  | Tb                            | 23          |   | Đ |             | Trung bình |  |  |  |  |
| 19  | Vũ Thanh     | Đạt       | Nam     | Kinh                  | 24/08/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                 | THCS Sông Khoai                       | 5,0  | 5,7 | 5,9 | 5,5   | 6,8 | 6,1  | 5,5 | 7,5 | 8,2 | 5,7 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 6,2      | K  | Tb                            | 8           |   | Đ |             | Trung bình |  |  |  |  |
| 20  | Đinh Gia     | Đạt       | Nam     | Kinh                  | 05/05/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                                   | THCS Sông Khoai                       | 5,0  | 5,3 | 6,2 | 6,3   | 7,2 | 5,7  | 5,5 | 7,2 | 7,8 | 5,2 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 6,1      | K  | Tb                            | 6           |   | Đ |             | Trung bình |  |  |  |  |
| 21  | Nguyễn Quốc  | Đạt       | Nam     | Kinh                  | 24/08/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                                   | THCS Sông Khoai                       | 6,1  | 6,6 | 5,8 | 5,4   | 6,9 | 6,4  | 6,7 | 6,8 | 7,7 | 5,6 | Đ  | Đ  | Đ  |      | 6,4      | T  | Tb                            | 1           |   | Đ |             | Trung bình |  |  |  |  |

## TRƯỜNG THCS SÔNG KHOAI

Bảng này có 21 HS đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS

Kết quả:

1) Đỗ (Đ): 21 bằng chữ: Hai mươi một

Trong đó:

Loại Giỏi (G): 03 bằng chữ: Ba;

Loại Khá (K): 10 bằng chữ: Mười;

Loại Trung bình (TB): 08 bằng chữ: Tám;

2) Hồng (H): 0 bằng chữ: Không

Người lập bảng

Mai Thị Hoàn



## HỘI ĐỒNG XÉT TỐT NGHIỆP THCS

Bảng này có 21 HS đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS.

Kết quả:

1) Đỗ (Đ): 21 bằng chữ: Hai mươi một

Trong đó:

Loại Giỏi (G): 03 bằng chữ: Ba;

Loại Khá (K): 10 bằng chữ: Mười;

Loại Trung bình (TB): 08 bằng chữ: Tám;

2) Hồng (H): 0 bằng chữ: Không

Cán bộ kiểm tra

Phạm Việt Thanh



**PHÒNG GD&ĐT QUẢNG YÊN**  
**HỘI ĐỒNG XÉT TỐT NGHIỆP THCS SÔNG KHOAI**

**DANH SÁCH NGƯỜI HỌC ĐỀ NGHỊ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THCS**

**Năm học 2023 - 2024**

**(Điện xét lần đầu)**

| (Điện xét lại đầu) |                 |           |         |                       |                        |                                                               |                                       |      |     |     |       |     |      |     |     |     |     |    |    |    |     |         |                               |             |   |   |             |            |  |
|--------------------|-----------------|-----------|---------|-----------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------|------|-----|-----|-------|-----|------|-----|-----|-----|-----|----|----|----|-----|---------|-------------------------------|-------------|---|---|-------------|------------|--|
| STT                | Họ và tên       | Giới tính | Dân tộc | Ngày, tháng, năm sinh | Nơi sinh (huyện, tỉnh) | Tên trường (THCS, TH và THPT, THCS và THPT, TH, THCS và THPT) | Kết quả xét loại năm học lớp 9        |      |     |     |       |     |      |     |     |     |     |    |    |    |     |         | TS buổi nghỉ học cả năm lớp 9 | Ưu tiên, KK | Đ | H | Xếp loại TN |            |  |
|                    |                 |           |         |                       |                        |                                                               | Điểm TB (đánh giá) cả năm các môn học |      |     |     |       |     |      |     |     |     |     |    |    |    |     | TB m CN |                               |             |   |   |             | Xếp loại   |  |
|                    |                 |           |         |                       |                        |                                                               | Văn                                   | Toán | NN  | Li  | GD CD | Hóa | Sinh | Sử  | CN  | Địa | TD  | ÂN | MT | TC | HK  |         |                               |             |   |   |             | HL         |  |
| 1                  | Bùi Thị Khanh   | Huỳnh     | Nữ      | Kinh                  | 13/07/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                         | THCS Sông Khoai                       | 8,0  | 6,5 | 6,9 | 6,2   | 7,7 | 6,9  | 6,7 | 8,7 | 8,5 | 8,0 | Đ  | Đ  | Đ  | 7,4 | T       | K                             | 0           |   | Đ |             | Khá        |  |
| 2                  | Nguyễn Ngọc     | Khánh     | Nam     | Kinh                  | 04/01/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                                           | THCS Sông Khoai                       | 5,1  | 6,0 | 5,8 | 5,8   | 7,4 | 6,8  | 5,2 | 7,0 | 7,8 | 6,2 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,3 | K       | Tb                            | 5           |   | Đ |             | Trung bình |  |
| 3                  | Trần Quốc       | Khánh     | Nam     | Kinh                  | 05/11/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                         | THCS Sông Khoai                       | 5,0  | 5,0 | 5,2 | 5,0   | 7,2 | 6,2  | 4,9 | 7,6 | 7,8 | 5,8 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,0 | K       | Tb                            | 6           |   | Đ |             | Trung bình |  |
| 4                  | Dinh Văn        | Kiến      | Nam     | Kinh                  | 19/05/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                         | THCS Sông Khoai                       | 6,7  | 7,9 | 7,1 | 8,2   | 7,7 | 8,3  | 8,1 | 8,7 | 8,9 | 7,6 | Đ  | Đ  | Đ  | 7,9 | T       | K                             | 0           |   | Đ |             | Khá        |  |
| 5                  | Nguyễn Bá       | Kiến      | Nam     | Kinh                  | 19/08/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                                           | THCS Sông Khoai                       | 5,4  | 5,9 | 5,1 | 5,0   | 7,4 | 6,3  | 5,6 | 7,3 | 7,8 | 6,0 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,2 | K       | Tb                            | 0           |   | Đ |             | Trung bình |  |
| 6                  | Bùi Tuấn        | Kiệt      | Nam     | Kinh                  | 25/12/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                         | THCS Sông Khoai                       | 5,3  | 5,5 | 5,0 | 5,0   | 7,2 | 5,5  | 5,3 | 7,1 | 7,9 | 5,9 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,0 | K       | Tb                            | 4           |   | Đ |             | Trung bình |  |
| 7                  | Dinh Thị Phương | Linh      | Nữ      | Kinh                  | 08/02/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                         | THCS Sông Khoai                       | 8,6  | 7,9 | 8,2 | 7,7   | 8,5 | 8,6  | 8,0 | 8,5 | 8,3 | 8,3 | Đ  | Đ  | Đ  | 8,3 | T       | G                             | 0           |   | Đ |             | Giỏi       |  |
| 8                  | Nguyễn Thị Diệu | Linh      | Nữ      | Kinh                  | 10/09/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                         | THCS Sông Khoai                       | 7,8  | 6,0 | 6,9 | 6,6   | 7,9 | 7,7  | 6,2 | 7,9 | 8,5 | 7,3 | Đ  | Đ  | Đ  | 7,3 | T       | K                             | 0           |   | Đ |             | Khá        |  |
| 9                  | Nguyễn Văn      | Linh      | Nam     | Kinh                  | 25/09/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                         | THCS Sông Khoai                       | 5,7  | 5,4 | 5,3 | 5,4   | 6,7 | 6,0  | 5,0 | 6,4 | 7,7 | 5,8 | Đ  | Đ  | Đ  | 5,9 | K       | Tb                            | 10          |   | Đ |             | Trung bình |  |
| 10                 | Nguyễn Thị      | Loan      | Nữ      | Kinh                  | 16/08/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                         | THCS Sông Khoai                       | 6,7  | 6,6 | 6,7 | 6,4   | 8,2 | 7,5  | 6,4 | 8,2 | 8,6 | 7,4 | Đ  | Đ  | Đ  | 7,3 | T       | K                             | 2           |   | Đ |             | Khá        |  |
| 11                 | Vũ Thanh        | Long      | Nam     | Kinh                  | 27/09/2008             | Thái Thụy, Thái Bình                                          | THCS Sông Khoai                       | 5,2  | 5,1 | 5,0 | 3,9   | 6,8 | 6,0  | 5,4 | 7,5 | 7,6 | 6,2 | Đ  | Đ  | Đ  | 5,9 | K       | Tb                            | 6           |   | Đ |             | Trung bình |  |
| 12                 | Bùi Tiên        | Luật      | Nam     | Kinh                  | 25/02/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                         | THCS Sông Khoai                       | 5,8  | 6,8 | 5,0 | 5,2   | 6,8 | 5,6  | 5,3 | 7,5 | 8,0 | 5,8 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,2 | K       | Tb                            | 0           |   | Đ |             | Trung bình |  |
| 13                 | Bùi Văn         | Lương     | Nam     | Kinh                  | 19/07/2008             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                         | THCS Sông Khoai                       | 5,0  | 4,6 | 5,0 | 3,9   | 6,0 | 5,0  | 4,6 | 5,0 | 5,6 | 5,0 | Đ  | Đ  | Đ  | 5,0 | Y       | Tb                            | 16          |   | H |             |            |  |
| 14                 | Nguyễn Xuân     | Lương     | Nam     | Kinh                  | 27/12/2008             | Uông Bí, Quảng Ninh                                           | THCS Sông Khoai                       | 5,0  | 5,6 | 5,0 | 5,0   | 6,1 | 5,4  | 5,6 | 6,4 | 7,5 | 5,5 | Đ  | Đ  | Đ  | 5,7 | K       | Tb                            | 29          |   | Đ |             | Trung bình |  |
| 15                 | Hoàng Ly        | Ly        | Nữ      | Tay                   | 14/02/2009             | Bào Yên, Lào Cai                                              | THCS Sông Khoai                       | 5,0  | 5,5 | 5,5 | 5,0   | 6,8 | 6,0  | 6,1 | 6,1 | 6,7 | 5,8 | Đ  | Đ  | Đ  | 5,9 | K       | Tb                            | 6           | 3 | Đ |             | Trung bình |  |
| 16                 | Nguyễn Thị      | Mai       | Nữ      | Kinh                  | 27/04/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                         | THCS Sông Khoai                       | 7,1  | 6,2 | 5,5 | 5,7   | 7,2 | 5,5  | 5,9 | 7,6 | 8,1 | 6,4 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,5 | T       | K                             | 8           |   | Đ |             | Khá        |  |
| 17                 | Vũ Thị Thanh    | Mai       | Nữ      | Kinh                  | 15/08/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                                           | THCS Sông Khoai                       | 6,5  | 6,5 | 6,5 | 5,1   | 6,8 | 7,2  | 7,5 | 7,3 | 8,1 | 6,1 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,8 | T       | K                             | 3           |   | Đ |             | Khá        |  |
| 18                 | Bùi Đức         | Mạnh      | Nam     | Kinh                  | 09/12/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                                           | THCS Sông Khoai                       | 5,0  | 5,0 | 5,1 | 5,0   | 5,9 | 5,5  | 4,8 | 5,9 | 7,5 | 5,0 | Đ  | Đ  | Đ  | 5,5 | K       | Tb                            | 1           |   | Đ |             | Trung bình |  |
| 19                 | Vũ Đức          | Mạnh      | Nam     | Kinh                  | 17/12/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                                           | THCS Sông Khoai                       | 4,2  | 5,1 | 4,1 | 4,5   | 5,9 | 5,2  | 4,9 | 6,4 | 7,4 | 5,4 | Đ  | Đ  | Đ  | 5,3 | K       | Tb                            | 18          |   | Đ |             | Trung bình |  |
| 20                 | Nguyễn Đức      | Minh      | Nam     | Kinh                  | 23/10/2009             | Hà Long, Quảng Ninh                                           | THCS Sông Khoai                       | 5,9  | 6,5 | 6,2 | 6,1   | 7,3 | 6,6  | 7,5 | 7,3 | 8,2 | 6,3 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,8 | T       | K                             | 0           |   | Đ |             | Khá        |  |
| 21                 | Vũ Thị Trà      | Mỹ        | Nữ      | Kinh                  | 23/06/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                                         | THCS Sông Khoai                       | 8,0  | 6,5 | 6,8 | 5,9   | 8,2 | 8,0  | 7,1 | 8,0 | 8,4 | 7,3 | Đ  | Đ  | Đ  | 7,4 | T       | K                             | 0           |   | Đ |             | Khá        |  |

**TRƯỜNG THCS SÔNG KHOAI**

Bảng này có 21 HS đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS.

**Kết quả:**

1) Đỗ (Đ): 20 bảng chữ Hai mươi

**Trong đó:**

Loại Giỏi (G): 01 bảng chữ Một.

Loại Khá (K): 08 bảng chữ Tám.

Loại Trung bình (TB): 11 bảng chữ Mười một.

2) Hông (H): 01 bảng chữ Một

Người lập bảng

Mai Thị Hoàn

Ngày 06/05/2024  
 Hiệu trưởng  
  
 Đỗ Thị Mơ

**HỘI ĐỒNG XÉT TỐT NGHIỆP THCS**

Bảng này có 21 HS đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS.

**Kết quả:**

1) Đỗ (Đ): 20 bảng chữ Hai mươi

**Trong đó:**

Loại Giỏi (G): 01 bảng chữ Một.

Loại Khá (K): 08 bảng chữ Tám.

Loại Trung bình (TB): 11 bảng chữ Mười một.

2) Hông (H): 01 bảng chữ Một

Cán bộ kiểm tra

Phạm Việt Thanh

Ngày 07/05/2024  
 Chủ tịch Hội đồng  
  
 Hiệu trưởng  
 Đỗ Thị Mơ

**PHÒNG GD&ĐT QUẢNG YÊN**  
**HỘI ĐỒNG XÉT TỐT NGHIỆP THCS SÔNG KHOAI**

**DANH SÁCH NGƯỜI HỌC ĐỀ NGHỊ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THCS**  
**Năm học 2023 - 2024**  
**(Điện xét lần đầu)**

| (Danh xét loại năm) |           |         |                       |                        |                                                 |                                       |      |     |     |       |     |      |     |     |     |     |    |    |    |         |          |    |                               |             |   |   |             |
|---------------------|-----------|---------|-----------------------|------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|------|-----|-----|-------|-----|------|-----|-----|-----|-----|----|----|----|---------|----------|----|-------------------------------|-------------|---|---|-------------|
| Họ và tên           | Giới tính | Dân tộc | Ngày, tháng, năm sinh | Nơi sinh (huyện, tỉnh) | Tên trường (THCS, TH và THPT, TH, THCS và THPT) | Kết quả xét loại năm học lớp 9        |      |     |     |       |     |      |     |     |     |     |    |    |    |         |          |    | TS buổi nghỉ học cả năm lớp 9 | Ưu tiên, KK | Đ | H | Xếp loại TN |
|                     |           |         |                       |                        |                                                 | Điểm TB (đánh giá) cả năm các môn học |      |     |     |       |     |      |     |     |     |     |    |    |    | TB m CN | Xếp loại |    |                               |             |   |   |             |
|                     |           |         |                       |                        |                                                 | Văn                                   | Toán | NN  | Li  | GD CD | Hóa | Sinh | Sử  | CN  | Địa | TD  | ÂN | MT | TC |         | HK       | HL |                               |             |   |   |             |
| Đinh Hải            | Nam       | Nam     | Kinh                  | 02/06/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                             | THCS Sông Khoai                       | 5,5  | 6,0 | 5,7 | 5,7   | 7,1 | 6,4  | 5,7 | 7,6 | 7,4 | 5,9 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,3     | K        | Tb | 1                             |             | Đ |   | Trung bình  |
| Nguyễn Hải          | Nam       | Nam     | Kinh                  | 05/10/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                           | THCS Sông Khoai                       | 5,3  | 5,1 | 5,7 | 5,0   | 6,9 | 7,2  | 7,4 | 7,1 | 8,2 | 6,2 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,4     | K        | Tb | 4                             |             | Đ |   | Trung bình  |
| Đào Thị Thủy        | Nga       | Nữ      | Kinh                  | 03/05/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                           | THCS Sông Khoai                       | 5,7  | 5,0 | 5,6 | 5,0   | 7,1 | 6,5  | 6,6 | 7,4 | 7,9 | 6,6 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,3     | K        | Tb | 7                             |             | Đ |   | Trung bình  |
| Lai Thị Anh         | Ngọc      | Nữ      | Kinh                  | 18/12/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                           | THCS Sông Khoai                       | 6,2  | 5,0 | 5,4 | 5,2   | 7,2 | 6,1  | 5,8 | 7,0 | 7,7 | 5,6 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,1     | K        | Tb | 12                            |             | Đ |   | Trung bình  |
| Bùi Thị Anh         | Nguyệt    | Nữ      | Kinh                  | 26/03/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                           | THCS Sông Khoai                       | 6,5  | 5,4 | 5,3 | 5,2   | 7,4 | 6,0  | 5,8 | 7,5 | 7,9 | 6,0 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,3     | T        | Tb | 1                             |             | Đ |   | Trung bình  |
| Nguyễn Thị Nhung    | Nữ        | Nữ      | Kinh                  | 02/02/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                           | THCS Sông Khoai                       | 5,0  | 5,0 | 5,3 | 5,4   | 7,0 | 5,9  | 6,5 | 7,2 | 7,6 | 5,9 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,1     | K        | Tb | 0                             |             | Đ |   | Trung bình  |
| Vũ Đình Phong       | Nam       | Nam     | Kinh                  | 05/08/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                             | THCS Sông Khoai                       | 6,1  | 6,9 | 6,3 | 6,0   | 7,2 | 6,6  | 7,0 | 7,5 | 7,6 | 6,3 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,8     | T        | K  | 0                             |             | Đ |   | Khá         |
| Đinh Thị Minh       | Phượng    | Nữ      | Kinh                  | 09/10/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                           | THCS Sông Khoai                       | 7,7  | 8,0 | 7,6 | 7,5   | 8,3 | 8,1  | 8,4 | 8,6 | 8,5 | 7,2 | Đ  | Đ  | Đ  | 8,0     | T        | G  | 2                             |             | Đ |   | Giỏi        |
| Nguyễn Tuấn         | Phượng    | Nam     | Kinh                  | 03/02/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                           | THCS Sông Khoai                       | 5,4  | 6,5 | 7,4 | 6,7   | 7,4 | 7,3  | 7,3 | 8,3 | 8,1 | 5,9 | Đ  | Đ  | Đ  | 7,0     | T        | K  | 13                            |             | Đ |   | Khá         |
| Nguyễn Hồng Quân    | Nam       | Nam     | Kinh                  | 08/03/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                           | THCS Sông Khoai                       | 6,6  | 9,0 | 7,0 | 8,8   | 8,3 | 8,0  | 8,1 | 8,4 | 8,1 | 8,0 | Đ  | Đ  | Đ  | 8,0     | T        | G  | 5                             |             | Đ |   | Giỏi        |
| Dương Minh Quốc     | Nam       | Nam     | Kinh                  | 12/09/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                           | THCS Sông Khoai                       | 7,4  | 8,9 | 8,9 | 8,5   | 8,4 | 9,2  | 8,5 | 8,4 | 8,3 | 8,4 | Đ  | Đ  | Đ  | 8,5     | T        | G  | 2                             |             | Đ |   | Giỏi        |
| Đinh Thị Quỳnh      | Nữ        | Nữ      | Kinh                  | 20/01/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                           | THCS Sông Khoai                       | 6,5  | 6,3 | 5,2 | 5,5   | 7,3 | 6,6  | 6,5 | 7,0 | 7,9 | 6,2 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,5     | T        | K  | 2                             |             | Đ |   | Khá         |
| Nguyễn Thị Quỳnh    | Nữ        | Nữ      | Kinh                  | 07/10/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                           | THCS Sông Khoai                       | 6,6  | 5,4 | 6,5 | 5,5   | 7,0 | 6,4  | 6,7 | 7,5 | 8,5 | 5,7 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,6     | T        | K  | 2                             |             | Đ |   | Khá         |
| Bùi Quang Sơn       | Nam       | Nam     | Kinh                  | 27/08/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                           | THCS Sông Khoai                       | 5,0  | 5,2 | 5,0 | 5,0   | 6,4 | 6,2  | 6,3 | 6,8 | 8,6 | 5,8 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,0     | K        | Tb | 5                             |             | Đ |   | Trung bình  |
| Đinh Đức Thanh      | Nam       | Nam     | Kinh                  | 25/02/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                           | THCS Sông Khoai                       | 5,0  | 4,4 | 4,3 | 4,4   | 5,8 | 4,7  | 5,0 | 5,7 | 7,6 | 5,0 | Đ  | Đ  | Đ  | 5,2     | Tb       | Tb | 16                            |             | Đ |   | Trung bình  |
| Đoàn Văn Thanh      | Nam       | Nam     | Kinh                  | 22/12/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                             | THCS Sông Khoai                       | 5,1  | 5,4 | 5,0 | 5,2   | 6,7 | 6,1  | 6,6 | 7,1 | 8,0 | 5,3 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,1     | K        | Tb | 0                             |             | Đ |   | Trung bình  |
| Đinh Thị Thu Thảo   | Nữ        | Nữ      | Kinh                  | 03/11/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                             | THCS Sông Khoai                       | 5,8  | 5,0 | 5,2 | 5,0   | 7,3 | 6,0  | 6,5 | 7,1 | 7,8 | 6,2 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,2     | K        | Tb | 0                             |             | Đ |   | Trung bình  |
| Hà Ngọc Quỳnh       | Nữ        | Nữ      | Kinh                  | 07/12/2009             | Biên Hoà, Đồng Nai                              | THCS Sông Khoai                       | 6,5  | 7,3 | 6,2 | 6,2   | 7,7 | 7,7  | 7,6 | 7,7 | 7,5 | 7,0 | Đ  | Đ  | Đ  | 7,1     | T        | K  | 0                             |             | Đ |   | Khá         |
| Đinh Thị Thư        | Nữ        | Nữ      | Kinh                  | 20/01/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                           | THCS Sông Khoai                       | 8,1  | 7,3 | 7,1 | 6,8   | 8,6 | 8,7  | 8,3 | 8,7 | 8,6 | 8,5 | Đ  | Đ  | Đ  | 8,1     | T        | G  | 1                             | 3           | Đ |   | Giỏi        |
| Nguyễn Minh Thư     | Nữ        | Nữ      | Kinh                  | 13/01/2009             | Uông Bí, Quảng Ninh                             | THCS Sông Khoai                       | 6,6  | 5,0 | 6,5 | 5,8   | 7,4 | 7,0  | 6,6 | 7,2 | 8,1 | 6,3 | Đ  | Đ  | Đ  | 6,7     | T        | K  | 4                             |             | Đ |   | Khá         |
| Vũ Gia Thuận        | Nam       | Nam     | Kinh                  | 08/08/2009             | Quảng Yên, Quảng Ninh                           | THCS Sông Khoai                       | 6,7  | 8,1 | 7,1 | 8,0   | 8,3 | 9,0  | 8,3 | 8,5 | 8,3 | 8,0 | Đ  | Đ  | Đ  | 8,0     | T        | G  | 2                             |             | Đ |   | Giỏi        |

**TRƯỜNG THCS SÔNG KHOAI**

Bảng này có 21 HS đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS.

**Kết quả:**

1) Đỗ (Đ): 21 bằng chữ: Hai mươi một

**Trong đó:**

Loại Giỏi (G): 05 bằng chữ: Năm;

Loại Khá (K): 06 bằng chữ: Sáu;

Loại Trung bình (TB): 10 bằng chữ: Mười;

2) Hồng (H): 0 bằng chữ: Không

Người lập bảng

Mai Thị Hoàn

Ngày 06/05/2024

Hiệu trưởng

Đỗ Thị Mơ

**HỘI ĐỒNG XÉT TỐT NGHIỆP THCS**

Bảng này có 21 HS đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS.

**Kết quả:**

1) Đỗ (Đ): 21 bằng chữ: Hai mươi một

**Trong đó:**

Loại Giỏi (G): 05 bằng chữ: Năm;

Loại Khá (K): 06 bằng chữ: Sáu;

Loại Trung bình (TB): 10 bằng chữ: Mười;

2) Hồng (H): 0 bằng chữ: Không

Cán bộ kiểm tra

Phạm Việt Thanh

Ngày 06/05/2024

Chủ tịch Hội đồng

Hiệu trưởng

Đỗ Thị Mơ

**PHÒNG GD&ĐT QUẢNG YÊN**  
**HỘI ĐỒNG XÉT TỐT NGHIỆP THCS SÔNG KHOAI**

**DANH SÁCH NGƯỜI HỌC ĐỀ NGHỊ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THCS**  
**Năm học 2023 - 2024**  
**(Điện xét lần đầu)**

| STT | Họ và tên            | Giới tính | Dân tộc | Ngày, tháng, năm sinh | Nơi sinh (huyện, tỉnh) | Tên trường (THCS, TH và THCS, THPT, TH, THCS và THPT) | (Diễn xét lần đầu)                    |      |     |     |       |     |      |     |     |     |    |    |    |     |    |    |    | TS buổi nghỉ học cả năm lớp 9 | Ưu tiên, KK | Đ | H          | Xếp loại TN |      |          |  |
|-----|----------------------|-----------|---------|-----------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------|------|-----|-----|-------|-----|------|-----|-----|-----|----|----|----|-----|----|----|----|-------------------------------|-------------|---|------------|-------------|------|----------|--|
|     |                      |           |         |                       |                        |                                                       | Kết quả xét loại năm học lớp 9        |      |     |     |       |     |      |     |     |     |    |    |    |     |    |    |    |                               |             |   |            |             |      |          |  |
|     |                      |           |         |                       |                        |                                                       | Điểm TB (đánh giá) cả năm các môn học |      |     |     |       |     |      |     |     |     |    |    |    |     |    |    |    |                               |             |   |            |             | TB m | Xếp loại |  |
|     |                      |           |         |                       |                        |                                                       | Văn                                   | Toán | NN  | Lí  | GD CD | Hóa | Sinh | Sử  | CN  | Địa | TD | ÂN | MT | TC  | CN | HK | HL |                               |             |   |            |             |      |          |  |
| 1   | Trần Mạnh Thúc       | Nam       | Kinh    | 10/01/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 5.0                                   | 4.7  | 5.1 | 5.0 | 7.0   | 5.3 | 5.5  | 6.9 | 7.8 | 5.1 | Đ  | Đ  | Đ  | 5.7 | K  | Tb | 2  |                               | Đ           |   | Trung bình |             |      |          |  |
| 2   | Trần Thị Thương      | Nữ        | Kinh    | 06/02/2009            | Uông Bí, Quảng Ninh    | THCS Sông Khoai                                       | 6.5                                   | 5.0  | 6.3 | 5.8 | 7.7   | 6.9 | 6.5  | 7.4 | 8.5 | 6.5 | Đ  | Đ  | Đ  | 6.7 | T  | K  | 7  |                               | Đ           |   | Kha        |             |      |          |  |
| 3   | Bùi Phương Thủy      | Nữ        | Kinh    | 16/12/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 8.0                                   | 6.8  | 6.8 | 5.9 | 8.0   | 8.7 | 7.9  | 8.6 | 8.5 | 8.0 | Đ  | Đ  | Đ  | 7.7 | T  | K  | 5  |                               | Đ           |   | Kha        |             |      |          |  |
| 4   | Nguyễn Thị Thủy      | Nữ        | Kinh    | 28/11/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 6.5                                   | 6.5  | 6.0 | 6.4 | 7.5   | 7.6 | 7.1  | 7.9 | 8.3 | 6.7 | Đ  | Đ  | Đ  | 7.1 | T  | K  | 0  |                               | Đ           |   | Kha        |             |      |          |  |
| 5   | Nguyễn Thị Thủy      | Nữ        | Kinh    | 01/09/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 5.4                                   | 5.2  | 5.5 | 5.4 | 7.1   | 6.4 | 5.5  | 6.7 | 7.9 | 6.2 | Đ  | Đ  | Đ  | 6.1 | K  | Tb | 6  |                               | Đ           |   | Trung bình |             |      |          |  |
| 6   | Vũ Thị Thanh Thủy    | Nữ        | Kinh    | 12/09/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 6.5                                   | 6.2  | 5.9 | 6.1 | 7.0   | 6.8 | 7.1  | 8.0 | 7.9 | 6.6 | Đ  | Đ  | Đ  | 6.8 | T  | K  | 1  |                               | Đ           |   | Kha        |             |      |          |  |
| 7   | Đinh Quang Tiếp      | Nam       | Kinh    | 20/07/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 5.6                                   | 5.9  | 6.5 | 6.2 | 6.6   | 7.3 | 7.1  | 7.8 | 8.5 | 6.5 | Đ  | Đ  | Đ  | 6.8 | T  | K  | 3  |                               | Đ           |   | Kha        |             |      |          |  |
| 8   | Bùi Văn Tri          | Nam       | Kinh    | 07/09/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 5.6                                   | 5.0  | 5.0 | 4.4 | 6.0   | 5.5 | 6.1  | 5.7 | 7.5 | 5.6 | Đ  | Đ  | Đ  | 5.6 | K  | Tb | 0  |                               | Đ           |   | Trung bình |             |      |          |  |
| 9   | Nguyễn Thành Tri     | Nam       | Kinh    | 25/10/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 5.1                                   | 5.2  | 5.0 | 5.0 | 5.8   | 5.4 | 5.3  | 6.4 | 7.6 | 6.5 | Đ  | Đ  | Đ  | 5.7 | K  | Tb | 0  |                               | Đ           |   | Trung bình |             |      |          |  |
| 10  | Nguyễn Đông Triết    | Nam       | Kinh    | 14/06/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 5.1                                   | 5.0  | 5.0 | 5.0 | 5.7   | 5.5 | 6.3  | 6.0 | 8.1 | 5.6 | Đ  | Đ  | Đ  | 5.7 | K  | Tb | 1  |                               | Đ           |   | Trung bình |             |      |          |  |
| 11  | Nguyễn Thế Trưởng    | Nam       | Kinh    | 11/10/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 5.0                                   | 4.1  | 5.0 | 5.0 | 6.4   | 6.5 | 6.7  | 7.4 | 8.3 | 6.5 | Đ  | Đ  | Đ  | 6.1 | K  | Tb | 0  |                               | Đ           |   | Trung bình |             |      |          |  |
| 12  | Bùi Đức Tuấn         | Nam       | Kinh    | 16/12/2007            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 5.0                                   | 4.7  | 5.0 | 5.0 | 5.2   | 5.2 | 5.0  | 5.7 | 6.9 | 5.0 | Đ  | Đ  | Đ  | 5.3 | K  | Tb | 4  |                               | Đ           |   | Trung bình |             |      |          |  |
| 13  | Đinh Công Tuấn       | Nam       | Kinh    | 08/09/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 5.0                                   | 5.2  | 5.5 | 5.0 | 6.6   | 6.7 | 6.2  | 6.6 | 7.9 | 6.6 | Đ  | Đ  | Đ  | 6.1 | K  | Tb | 3  |                               | Đ           |   | Trung bình |             |      |          |  |
| 14  | Phạm Minh Tuấn       | Nam       | Kinh    | 18/09/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 7.4                                   | 8.3  | 8.3 | 8.3 | 8.8   | 9.1 | 8.5  | 8.6 | 8.6 | 8.0 | Đ  | Đ  | Đ  | 8.4 | T  | G  | 2  |                               | Đ           |   | Giỏi       |             |      |          |  |
| 15  | Vũ Đào Anh Tuấn      | Nam       | Kinh    | 07/09/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 5.1                                   | 5.5  | 5.5 | 6.4 | 6.7   | 7.1 | 7.1  | 6.9 | 8.0 | 6.9 | Đ  | Đ  | Đ  | 6.5 | K  | Tb | 6  |                               | Đ           |   | Trung bình |             |      |          |  |
| 16  | Dương Thanh Tung     | Nam       | Kinh    | 20/11/2009            | Uông Bí, Quảng Ninh    | THCS Sông Khoai                                       | 5.0                                   | 4.4  | 5.0 | 4.1 | 6.2   | 5.7 | 5.4  | 5.5 | 7.8 | 5.0 | Đ  | Đ  | Đ  | 5.4 | K  | Tb | 2  | 3                             | Đ           |   | Trung bình |             |      |          |  |
| 17  | Bùi Quốc Việt        | Nam       | Kinh    | 05/10/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 5.0                                   | 5.0  | 5.1 | 5.6 | 6.8   | 6.3 | 5.4  | 6.5 | 8.1 | 6.1 | Đ  | Đ  | Đ  | 6.0 | K  | Tb | 3  |                               | Đ           |   | Trung bình |             |      |          |  |
| 18  | Nguyễn Thị Vinh      | Nữ        | Kinh    | 10/09/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 5.1                                   | 5.0  | 5.0 | 5.8 | 7.0   | 5.8 | 5.9  | 6.6 | 7.8 | 5.4 | Đ  | Đ  | Đ  | 5.9 | K  | Tb | 12 |                               | Đ           |   | Trung bình |             |      |          |  |
| 19  | Nguyễn Hà Vy         | Nữ        | Kinh    | 20/10/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 5.6                                   | 4.9  | 5.1 | 5.5 | 7.3   | 6.2 | 6.2  | 6.8 | 7.9 | 5.3 | Đ  | Đ  | Đ  | 6.1 | K  | Tb | 0  |                               | Đ           |   | Trung bình |             |      |          |  |
| 20  | Vũ Thanh Vy          | Nữ        | Kinh    | 24/08/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 6.5                                   | 6.5  | 6.7 | 6.7 | 8.0   | 8.1 | 7.6  | 8.4 | 8.4 | 6.7 | Đ  | Đ  | Đ  | 7.4 | T  | K  | 2  |                               | Đ           |   | Kha        |             |      |          |  |
| 21  | Nguyễn Bảo Yên       | Nữ        | Kinh    | 09/10/2009            | Uông Bí, Quảng Ninh    | THCS Sông Khoai                                       | 5.0                                   | 5.1  | 5.4 | 5.3 | 7.0   | 6.3 | 6.4  | 6.5 | 8.1 | 5.9 | Đ  | Đ  | Đ  | 6.1 | K  | Tb | 0  |                               | Đ           |   | Trung bình |             |      |          |  |
| 22  | Nguyễn Thị Hoàng Yên | Nữ        | Kinh    | 15/06/2009            | Quảng Yên, Quảng Ninh  | THCS Sông Khoai                                       | 6.9                                   | 5.7  | 5.9 | 6.7 | 7.8   | 7.4 | 7.2  | 7.5 | 8.6 | 8.0 | Đ  | Đ  | Đ  | 7.2 | T  | K  | 2  |                               | Đ           |   | Kha        |             |      |          |  |

**TRƯỜNG THCS SÔNG KHOAI****HỘI ĐỒNG XÉT TỐT NGHIỆP THCS**

Bảng này có 22 HS đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS

Bảng này có 22 HS đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS

**Kết quả:**

1) Đủ (Đ): 22 bằng chữ: Hai mươi hai

**Kết quả:**

1) Đủ (Đ): 22 bằng chữ: Hai mươi hai

**Trong đó:**

Loại Giỏi (G): 01 bằng chữ: Một;

Loại Khá (K): 07 bằng chữ: Bảy;

Loại Trung bình (TB): 14 bằng chữ: Mười bốn

2) Không (H): 0 bằng chữ: Không

**Trong đó:**

Loại Giỏi (G): 01 bằng chữ: Một;

Loại Khá (K): 07 bằng chữ: Bảy;

Loại Trung bình (TB): 14 bằng chữ: Mười bốn

2) Không (H): 0 bằng chữ: Không

Người lập bảng

Mai Thị Hoàn

Ngày 06/05/2024

Hiệu trưởng

Đỗ Thị Mơ

Cán bộ kiểm tra

Phạm Việt Thanh

Ngày 07/05/2024

Chủ tịch Hội đồng

Hiệu trưởng

Đỗ Thị Mơ